

Bản án số: 116/2020/DS-ST

Ngày: 05/5/2020

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Vân.

2. Bà Lý Ngọc Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M; sinh năm 1981.

Địa chỉ: 121/106/3 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường A, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Bà Phạm Thị Quỳnh N, sinh năm 1977; Địa chỉ: 85-87 Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh theo Văn bản ủy quyền ngày 11/12/2019 (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977 và ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: 288 Cao Lỗ, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị Hồng T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 115/38 Nghĩa Hưng, Phường A, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 16/7/2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M có đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Quỳnh N trình bày: Ngày 14/02/2018 ông M có cho vợ chồng bà H, ông Đ vay 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Theo thỏa thuận miệng lãi suất 4%/tháng thời hạn vay là 3 tháng. Để làm tin hai bên ký hợp đồng đặt cọc mua bán nhà cùng ngày 14/02/2018. Nội dung của hợp đồng là bà H, ông Đ đặt cọc cho ông M 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng để bán căn nhà số 288 Cao Lỗ, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi vay đến tháng 01 năm 2019 bà H, ông Đ chỉ trả được 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng tiền lãi. Sau đó bà Hà, ông Đức có viết giấy hẹn ngày 01/02/2019 sẽ thanh toán số tiền gốc như sau:

Cuối tháng 3 năm 2019 trả: 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Tháng 4 năm 2019 trả: 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Tháng 5 năm 2019 trả: 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Nhưng từ đó đến nay bà H, ông Đ không trả cho ông M như thỏa thuận. Tại tòa ông M yêu cầu bà H, ông Đ trả số tiền còn nợ là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng và tiền lãi tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 đến ngày 01 tháng 5 năm 2020 là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 112.500.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền là 1.112.500.000 (Một tỷ một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 14/02/2018 để khởi kiện, không căn cứ vào hợp đồng đặt cọc mua bán nhà ngày 14/02/2018. Nguyên đơn đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc mua bán nhà ngày 14/02/2018.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà Hà, ông Đức vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà không có lý do chính đáng. Bà Hà và ông Đức cũng không có bất kỳ văn bản phản hồi nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M nên Tòa án không thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Hồng T trình bày: Bà T thống nhất với yêu cầu của ông M. Yêu cầu bà H, ông Đ trả số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng và tiền lãi tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 đến ngày 01 tháng 5 năm 2020 là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 112.500.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền là 1.112.500.000 (Một tỷ một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy nhận tiền ngày 14/02/2018 đủ cơ sở để xác định bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ có vay của ông Nguyễn Văn M 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Yêu cầu của ông Nguyễn Văn M buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ trả số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng và tiền lãi tính từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020 là 1.000.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 15 tháng = 112.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 1.112.500.000 (Một tỷ một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng phù hợp các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc mua bán nhà ngày 14/02/2018 giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hồ Văn Đ. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn M khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ yêu cầu trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh trên số tiền đã vay mượn, xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ cùng cư trú tại Quận 8, vì vậy vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét nguyên đơn ông Nguyễn Văn M có đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Quỳnh N có đơn đề ngày 20/3/2020 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Hồng T có đơn ngày 15/01/2020 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu và trách nhiệm của đương sự:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông M. Điều này xem như bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án

để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ, cùng lời thừa nhận của nguyên đơn có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ đã xác lập hợp đồng vay tiền với ông Nguyễn Văn M số tiền là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng theo giấy nhận tiền ngày 14/02/2018. Nội dung của hợp đồng là bà H, ông Đ vay của ông M số tiền là 1.000.000.000 đồng. Để làm tin hai bên ký hợp đồng đặt cọc mua bán nhà cùng ngày 14/02/2018 để bán căn nhà số 288 Cao Lỗ, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi vay đến tháng 01 năm 2019 bà H, ông Đ chỉ trả được 200.000.000 đồng tiền lãi và hứa sẽ thanh toán số tiền gốc như sau: Cuối tháng 3 năm 2019 trả: 300.000.000 đồng; Tháng 4 năm 2019 trả: 300.000.000 đồng; Tháng 5 năm 2019 trả: 400.000.000 đồng. Nhưng từ đó đến nay bà H, ông Đ không trả cho ông M như thỏa thuận. Hợp đồng giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Thu Hà, ông Hồ Văn Đức được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn. Ông M thừa nhận có nhận lãi số tiền là 200.000.000 đồng nhưng cũng không có chứng cứ nào thể hiện là lãi suất 4%/tháng như lời ông trình bày nên đây là hợp đồng vay không có lãi.

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc ông Nguyễn Văn M yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ trả nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu này của ông M là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu đòi tiền lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 đến ngày 01 tháng 5 năm 2020:

Xét Hợp đồng giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Thu Hà, ông Hồ Văn Đức được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (Lãi suất 10%/năm). Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn M có đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Quỳnh Như chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ có trách nhiệm thanh toán ngay số tiền là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng và tiền lãi tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 đến ngày 01 tháng 5 năm 2020 là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng}$ (lãi suất 9%/năm) $\times 15 \text{ tháng} = 112.500.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền là 1.112.500.000 (Một tỷ một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, kể từ ngày nguyên đơn ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Thu Hà, ông Hồ Văn Đức chưa thi hành như án đã tuyên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đối với yêu cầu nguyên đơn đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc mua bán nhà số 288 Cao Lỗ, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/02/2018. Vì bản chất việc ký hợp đồng này chỉ để làm tin cho hợp đồng vay tài sản giữa ông

Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Thu Hà, ông Hồ Văn Đức. Xét thấy, việc hủy hợp đồng đặt cọc mua bán nhà số 288 Cao Lỗ, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/02/2018 là cần thiết và nhằm giải quyết toàn diện vụ án nên có cơ sở để chấp nhận.

Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Hồng T: Thống nhất với yêu cầu của ông M. Yêu cầu bà H, ông Đ trả số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng và tiền lãi tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 đến ngày 01 tháng 5 năm 2020 là 11.000.000.000 đồng x 0,75%/tháng (lãi suất 9%/năm) x 15 tháng = 112.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 1.112.500.000 (Một tỷ một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn). Ý kiến này không trái quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hồ Văn Đ phải chịu án phí trên số tiền thanh toán cho ông M, bà T và số tiền án phí đối với yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc mua bán nhà ngày 14/02/2018 giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hồ Văn Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 có hiệu lực vào ngày 01/01/2017.

Tuyên xử: Vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hồ Văn Đ và bà Phan Thị Hồng T.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn M.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hồ Văn Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thị Hồng T số tiền 1.112.500.000 (Một tỷ một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Trong đó gồm số tiền vốn gốc là 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi là 112.500.000 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành như án đã tuyên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Hủy hợp đồng đặt cọc mua bán nhà ngày 14/02/2018 giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hồ Văn Đ.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm :

Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hồ Văn Đ phải chịu số tiền 45.375.000 (Bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng và số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Tổng cộng số tiền là 45.675.000 (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 26.100.000 (Hai mươi sáu triệu một trăm nghìn) đồng cho ông Nguyễn Văn M đã nộp theo biên lai thu số 012008 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án; Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phúc

